

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BẢN SAO

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN**

MẪU SỐ 01/BCKT-TKT-DN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-KTNN ngày 28/3/2012
của Tổng Kiểm toán Nhà nước)*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2013

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

Thực hiện Quyết định số 378/QĐ-KTNN ngày 15/4/2013 của Tổng Kiểm toán Nhà nước “về việc kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh”, Tổ kiểm toán số 4 thuộc Đoàn kiểm toán Nhà nước của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) khu vực IV đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn từ ngày 05/7/2013 đến ngày 16/7/2013.

1. Nội dung kiểm toán

- Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012;
- Kiểm toán, đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản, vốn nhà nước;
- Kiểm toán chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính – kế toán, chế độ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản theo quy định của Nhà nước.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

- Quy mô, tỷ trọng các chỉ tiêu tài chính chủ yếu được kiểm toán so với tổng thể của đơn vị được kiểm toán:

+ Tổng tài sản:	chiếm 100%
+ Tổng doanh thu, thu nhập:	chiếm 100%
+ Tổng chi phí:	chiếm 100%
+ Số còn phải nộp NSNN:	chiếm 100%

- Năm tài chính được kiểm toán: Năm 2012 và các thời kỳ trước, sau có liên quan.

2.2. Giới hạn kiểm toán

- Tổ kiểm toán không kiểm toán Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; không chứng kiến kiểm kê tiền, tài sản, hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2012; không thực hiện đối chiếu xác nhận các khoản nợ phải thu, nợ phải trả; không kiểm toán chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn đầu tư của các dự án; không xác minh tính thực tế, hợp pháp của các thông tin khác liên quan đến Báo cáo tài chính. Đối với số dư đầu năm 2012, Tổ kiểm toán chỉ thực hiện đối chiếu với số dư cuối năm 2011 chuyển sang.

- Tổ kiểm toán chỉ thực hiện kiểm toán chọn mẫu, căn cứ số liệu Báo cáo tài chính, sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ do đơn vị cung cấp tại thời điểm kiểm toán, ghi nhận các chỉ tiêu tài chính của đơn vị không được kiểm toán đã được tổng hợp trong Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Tổ kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên, Biên bản kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2012 (được lập ngày 28/01/2013- Lấy theo ngày của BCTC đã được kiểm toán) của Công ty TNHH MTV Công trình Giao Thông Sài Gòn, Báo cáo kiểm toán số 320/BCKT/TC của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam và các tài liệu có liên quan.

PHÂN THỨ NHẤT KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	525.813.983.505	526.256.554.963	442.571.458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	166.285.326.986	166.285.326.986	-
1. Tiền	111	77.457.356.790	77.457.356.790	
2. Các khoản tương đương tiền	112	88.827.970.196	88.827.970.196	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	248.194.996.191	248.637.567.649	442.571.458
1. Phải thu khách hàng	131	238.677.861.618	238.677.861.618	
2. Trả trước cho người bán	132	3.810.533.339	3.810.533.339	
5. Các khoản phải thu khác	135	5.890.734.720	6.333.306.178	442.571.458
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(184.133.486)	(184.133.486)	
IV. Hàng tồn kho	140	35.764.256.876	35.764.256.876	-
1. Hàng tồn kho	141	35.764.256.876	35.764.256.876	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	75.569.403.452	75.569.403.452	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.312.888.179	2.312.888.179	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	73.256.515.273	73.256.515.273	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	116.947.706.315	116.947.706.315	
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	
II. Tài sản cố định	220	116.085.068.157	116.085.068.157	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	115.936.504.282	115.936.504.282	
- Nguyên giá	222	174.995.255.363	174.995.255.363	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(59.058.751.081)	(59.058.751.081)	

3. Tài sản cố định vô hình	227	117.869.784	117.869.784	
- Nguyên giá	228	486.291.819	486.291.819	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(368.422.035)	(368.422.035)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	30.694.091	30.694.091	
V. Tài sản dài hạn khác	260	862.638.158	862.638.158	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	160.638.158	160.638.158	
3. Tài sản dài hạn khác	268	702.000.000	702.000.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		642.761.689.820	643.204.261.278	442.571.458
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	302.210.974.184	298.390.134.030	(3.820.840.154)
I. Nợ ngắn hạn	310	302.210.974.184	298.390.134.030	(3.820.840.154)
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-	
2. Phải trả người bán	312	20.612.064.267	20.612.064.267	0
3. Người mua trả tiền trước	313	44.806.071.505	44.806.071.505	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23.241.142.338	24.278.601.141	1.037.458.803
5. Phải trả người lao động	315	13.691.005.021	8.832.706.064	(4.858.298.957)
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	184.445.168.456	184.445.168.456	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-	
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	15.415.522.597	15.415.522.597	
II. Nợ dài hạn	330	-	-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	340.550.715.636	344.814.127.248	4.263.411.612
I. Vốn chủ sở hữu	410	340.459.860.658	344.723.272.270	4.263.411.612
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	97.361.500.000	97.361.500.000	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	15.260.734.893	15.260.734.893	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	227.837.625.765	232.101.037.377	4.263.411.612
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	90.854.978	90.854.978	
2. Nguồn kinh phí	432	90.854.978	90.854.978	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	642.761.689.820	643.204.261.278	442.571.458

Các Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	DVT	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
Ngược tệ (USD)		135	135	

Nguyên chênh lệch:

TÀI SẢN TĂNG

442.571.458 đồng

1/ Tăng phải thu khác tăng, trong đó:

442.571.458 đồng

- Chi trợ cấp mất việc làm không đúng đối tượng theo quy định tại Điều 17 - Bộ Luật lao động (ông Đinh Văn Hạnh);

62.084.000 đồng

- Hạch toán bổ sung lãi dự thu đối với khoản hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn năm 2012;

380.487.458 đồng

NGUỒN VỐN TĂNG

442.571.458 đồng

1/ Nợ phải trả giảm, do

3.820.840.154 đồng

(i) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng do: 1.037.458.803 đồng
 - Điều chỉnh giảm chi phí tiền lương năm 2012; hạch toán tăng lãi dự thu của hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; giảm chi phí trợ cấp mất việc làm vượt so với quy định. Làm tăng thuế TNDN phải nộp.

(ii) Phải trả người lao động điều chỉnh giảm, do: 4.858.298.957 đồng

+ Điều chỉnh giảm quỹ lương của lao động gián tiếp do xây dựng đơn giá tiền lương không đúng quy định; 4.516.207.949 đồng

+ Điều chỉnh giảm quỹ lương của viên chức quản lý do trích vượt quy định. 342.091.008 đồng

2/ Vốn chủ sở hữu tăng, do 4.263.411.612 đồng

- Từ các nguyên nhân nêu trên đã làm tăng lợi nhuận sau thuế của Công ty 4.263.411.612 đồng

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.202.905.771.530	1.202.905.771.530	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.202.905.771.530	1.202.905.771.530	-
4. Giá vốn hàng bán	11	1.011.477.905.387	1.011.477.905.387	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	191.427.866.143	191.427.866.143	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14.765.196.225	15.145.683.683	380.487.458
7. Chi phí tài chính	22	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	36.787.922.054	31.929.623.097	(4.858.298.957)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	169.405.140.314	174.643.926.729	5.238.786.415
11. Thu nhập khác	31	921.407.067	983.491.067	62.084.000
12. Chi phí khác	32	646.513.260	646.513.260	-
13. Lợi nhuận khác	40	274.893.807	336.977.807	62.084.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	169.680.034.121	174.980.904.536	5.300.870.415
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	322.709.455.34	33.308.404.337	1.037.458.803
16. Thuế TNDN hoãn lại		160.638.158	160.638.158	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	137.569.726.745	141.833.138.357	4.263.411.612

Nguyên nhân chênh lệch

1/ Doanh thu hoạt động tài chính tăng do hạch toán lãi dự thu năm 2012 (đã nêu ở trên). 380.487.458 đồng

2/ Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do giảm chi phí tiền lương của bộ phận gián tiếp và viên chức năm 4.858.298.957 đồng

2012 (đã nêu ở trên).

3/ Thu nhập khác tăng, do thu hồi trợ cấp mất việc làm chi trả không đúng quy định. 62.084.000 đồng

4/ Từ các nguyên nhân nêu trên làm tăng lợi nhuận trước thuế: 5.300.870.415 đồng

5/ Thuế TNDN phải nộp tăng thêm 1.037.458.803 đồng

- Thuế TNDN hiện hành (25%) : 1.325.217.604 đồng

- Thuế TNDN được miễn giảm (30%), do Công ty sử dụng nhiều lao động theo điểm b; Điều 1; Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 Hướng dẫn một số giải pháp nhằm tháo gỡ cho tổ chức cá nhân theo tinh thần Nghị Quyết số 29/2012/QH13 của Quốc Hội (Chi tiết phụ lục số 01) 287.758.800 đồng

3. Thuế và các khoản phải nộp NSNN đến 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	I	2	3=2-1
I. Thuế				
1. Thuế GTGT		13.214.244.078	13.214.244.078	-
2. Thuế TNDN		9.311.901.618	10.349.360.421	1.037.458.803
TỔNG CỘNG		22.526.145.696	23.563.604.499	1.037.458.803

Nguyên nhân chênh lệch

Thuế TNDN năm 2012 tăng 1.037.458.803 đồng, nguyên nhân điều chỉnh giảm chi phí tiền lương; giảm chi phí trả trợ cấp mất việc làm và tăng doanh thu hoạt động tài chính (đã nêu ở trên).

4. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính

Xét trên khía cạnh trọng yếu, trong phạm vi và giới hạn kiểm toán, cho thấy Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao Thông Sài Gòn lập ngày 28/01/2013 sau khi điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán đã phản ánh trung thực tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2012.

Riêng đối với quỹ tiền lương năm 2012, do UBND Tp. Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quỹ lương của Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên; Sở Lao động Thương binh và Xã hội chưa có ý kiến đối với đơn giá lương của người lao động và các cơ quan của Thành phố đang xem xét lại mức lương tối thiểu năm 2012, do đó, Tổ kiểm toán ghi nhận theo số liệu tạm trích quỹ lương của đơn vị (trừ quỹ lương của lao động gián tiếp tạm thời điều chỉnh theo quỹ lương năm 2011 do đơn vị xây dựng đơn giá lương không đúng quy định). Doanh thu, chi phí, lợi nhuận kế toán và quỹ lương năm 2012 có thể thay đổi khi UBND Tp. Hồ Chí Minh có quyết định về mức lương tối thiểu, phê duyệt quỹ

lương viên chức quản lý và Sở Lao động Thương binh và Xã hội chưa có ý kiến đối với đơn giá lương của người lao động.

II. VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Quản lý tài chính, kế toán

Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn (Công ty) hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp 2005. Trong quản lý tài chính, Công ty tuân thủ các quy định quản lý tài chính tại Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/8/2010 của Bộ Tài chính; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được ban hành theo Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 12/3/2010 của Ủy ban nhân dân (UBND) TP.HCM và các quy chế kiểm soát nội bộ của đơn vị.

Năm 2012, công tác quản lý tài chính của Công ty được đánh giá qua một số nội dung cơ bản sau:

1.1. Quản lý tài sản và nguồn vốn

a) Quản lý tài sản ngắn hạn

- *Tiền và các khoản tương đương tiền:* Công ty tổ chức quản lý và theo dõi thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn theo quy định. Định kỳ thực hiện kiểm kê tiền mặt, cuối năm có đối chiếu và xác nhận tiền gửi ngân hàng.

- *Quản lý các khoản phải thu:* Công ty theo dõi các khoản phải thu theo từng đối tượng, thực hiện đối chiếu công nợ vào thời điểm cuối năm. Trong quản lý các khoản phải thu ngắn hạn có những vấn đề sau:

+ Đối chiếu, xác nhận công nợ chưa đầy đủ, tỷ lệ công nợ được xác nhận đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng 80,5%; các khoản phải thu khác 84%.

+ Một số khoản nợ phải thu tồn đọng, phát sinh từ nhiều năm chưa được xử lý, thu hồi số tiền 5.917 triệu đồng (phải thu khách hàng 4.183 triệu đồng, không được đối chiếu, xác nhận nợ; các khoản phải thu khác của xí nghiệp 1.734 triệu đồng).

+ Công ty chưa xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu theo quy định tại Khoản 6, Điều 6 Thông tư số 117/2010/TT-BTC. Không phân tích tuổi nợ, xác định đầy đủ nợ quá hạn để thực hiện trích lập dự phòng theo quy định cũng như chưa rà soát những khoản nợ không có khả năng thu hồi để xử lý theo quy định tại Tiết a, Điểm 6.1, Khoản 6, Điều 6 Thông tư số 117/2010/TT-BTC.

- *Hàng tồn kho:* Số dư cuối kỳ 35.764 triệu đồng chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang; nguyên vật liệu; công cụ, dụng cụ. Công ty mở sổ kế toán theo dõi các khoản mục hàng tồn kho, có thực hiện kiểm kê theo quy định.

- *Tài sản ngắn hạn khác:* chủ yếu là công nợ tạm ứng thi công của các xí nghiệp; các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn và chi phí trả trước ngắn hạn. Công ty phân bổ chi phí theo quy định; tổ chức theo dõi nợ tạm ứng theo từng đối tượng nhận tạm ứng, thực hiện đối chiếu công nợ tạm ứng vào thời điểm cuối năm, tỷ lệ đối chiếu đạt 98%.

Tổng công nợ tạm ứng đến 31/12/2012 Công ty đang theo dõi của các xí nghiệp là 62.292 triệu đồng, chiếm 82,43% tổng tài sản ngắn hạn khác. Theo báo cáo, các xí nghiệp đã sử dụng đưa vào chi phí thi công số tiền 57.158 triệu đồng, còn lại là tiền tồn chưa sử dụng. Công ty không ghi nhận các khoản chi phí thi công công trình còn dở dang vào khoản mục hàng tồn kho, toàn bộ chi phí thi công phát sinh ghi nhận trên tài khoản tạm ứng, chỉ ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để kết chuyển giá vốn khi công trình được nghiệm thu, quyết toán.

b) Quản lý tài sản dài hạn

- Về quản lý tài sản cố định: nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) tại 31/12/2012 là 175.481 triệu đồng, trong đó TSCĐ hữu hình là 174.995 triệu đồng và TSCĐ vô hình là 486 triệu đồng bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và TSCĐ khác. Trong năm TSCĐ giảm không phát sinh, TSCĐ tăng Công ty tổ chức mua theo quy định của Luật đấu thầu và Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/8/2010 hướng dẫn cơ chế tài chính của Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Công ty thực hiện quản lý và tính khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, tổ chức kiểm kê tài sản vào cuối năm làm cơ sở lập báo cáo tài chính.

- Tài sản dài hạn khác: số dư tại 31/12/2012 là 863 triệu đồng, trong đó số tiền 702 triệu đồng là tiền ký quỹ thuê mặt bằng Hợp đồng số 29/12/HĐ-BAI ngày 15/02/2012 và tài sản thuê thu nhập hoãn lại 161 triệu đồng.

c) Quản lý nợ phải trả

- Nợ ngắn hạn: số dư cuối kỳ 31/12/2012 là 302.211 triệu, chủ yếu gồm người mua trả tiền trước, phải trả cho người bán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, quỹ khen thưởng, phúc lợi và các khoản phải trả khác. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo đối tượng, cuối năm có đối chiếu xác nhận nợ. Nhìn chung, nợ phải trả luân chuyển bình thường thể hiện thông qua một số chỉ số như: Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng giá trị Tài sản/Tổng Nợ phải trả) 2,16 lần; khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) 1,76 lần và nợ phải trả/vốn chủ sở hữu bằng 0,86 lần. Qua kiểm tra nợ ngắn hạn có tình hình sau:

+ Phải trả người bán: số tiền 20.612 triệu đồng là các khoản nợ do công ty mua nguyên nhiên vật liệu của người bán. Công ty mở sổ theo dõi và thực hiện đối chiếu công nợ đạt 98,48% tương ứng số tiền 20.299 triệu đồng. Số tiền 313 triệu đồng không được đối phát sinh trong tháng 12/2012.

+ Người mua trả tiền trước: số dư đến 31/12/2012 là 44.806 triệu đồng, chủ yếu là các khoản khách hàng tạm ứng thi công các công trình, tỷ lệ công nợ được đối chiếu, xác nhận chiếm 71,8%.

+ Các khoản phải trả khác: Số dư đến 31/12/2012 là 184.445 triệu đồng là các khoản phải trả khi quyết toán nội bộ giữa các xí nghiệp trực thuộc với Công ty. Tỷ lệ công nợ được đối chiếu xác nhận đạt 97,7 %, trong đó nhiều khoản công nợ từ năm 2008 không được đối chiếu xác nhận, cụ thể: Xí nghiệp Công trình 7: 661 triệu đồng; xí nghiệp Công trình 2: 345 triệu đồng. Qua chọn mẫu hồ sơ thanh

toán của 04 công trình liên quan đến 04 xí nghiệp cho thấy: Công ty thực hiện giao khoán thi công các công trình (bao gồm cả khoán vật tư, nhân công, máy thi công và chi phí khác) cho các xí nghiệp trực thuộc theo quy chế khoán nội bộ. Sau khi công trình, hạng mục công trình được chủ đầu tư nghiệm thu, quyết toán Công ty tiến hành thanh toán cho các xí nghiệp trên cơ sở hóa đơn, chứng từ của các xí nghiệp (sau khi đối chiếu sự phù hợp của hóa đơn, chứng từ với giá trị khối lượng được nghiệm thu thanh toán), sau khi được chủ đầu tư thanh toán, Công ty sẽ tiến hành chi trả cho các xí nghiệp. Do không có điều kiện để kiểm tra, xác minh sự phù hợp giữa hóa đơn, chứng từ với chi phí thực tế phát sinh nên Tổ kiểm toán chỉ ghi nhận tình hình trên cơ sở hồ sơ thanh toán của 04 công trình được chọn mẫu.

d) Quản lý phân phối tiền lương và các khoản theo lương

Năm 2012, Công ty xây dựng đơn giá tiền lương và gửi cho Sở Lao động Thương binh và xã hội TP.HCM theo Công văn số 647/CTGTSG ngày 18/7/2012. Sở chưa có ý kiến bằng văn bản trả lời cũng như chưa có quyết định phê duyệt quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch của viên chức quản lý theo Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH. Công ty áp dụng mức lương tối thiểu vùng để xác định đơn giá tiền lương theo Công văn số 5626/UBND-ĐTMT ngày 10/11/2011 của UBND TP.HCM. Tuy nhiên, trong trường hợp Sở Lao động Thương binh và xã hội TP.HCM có ý kiến và UBND TP.HCM quyết định lương tối thiểu khác với mức quy định tại Công văn số 5626/UBND-ĐTMT thì đơn vị phải thực hiện điều chỉnh quỹ lương theo quyết định của UBND TP.HCM. Tình hình xây dựng và thực hiện đơn giá tiền lương như sau:

- Về xây dựng đơn giá tiền lương

+ Tiền lương của lao động trực tiếp: Công ty xây dựng đơn giá tiền lương cho từng hoạt động theo quy định.

+ Về tiền lương lao động gián tiếp: Năm 2012, Công ty xây dựng quỹ lương trên cơ sở mức tăng tiền lương bình quân không vượt mức tăng năng suất lao động. Tuy nhiên, năm 2011 Công ty không xây dựng đơn giá tiền lương, quỹ lương được xác định không quá 40% chi phí chung của hoạt động thi công, xây dựng. Do đó không có cơ sở để xác định mức tăng tiền lương bình quân kế hoạch năm 2012.

+ Về tiền lương của viên chức quản lý: Công ty xây dựng quỹ lương đảm bảo tốc độ tăng tiền lương bình quân của viên chức quản lý chuyên trách không vượt tốc độ tăng tiền lương bình quân của người lao động.

- Về thực hiện đơn giá tiền lương

Tổng quỹ tiền lương trích lập trong năm 2012 là 162.669 triệu đồng, bao gồm: người lao động 159.435 triệu đồng trong đó lao động thời vụ và thuê ngoài: 56.368 triệu đồng, viên chức quản lý 3.234 triệu đồng. Tiền lương bình quân 18,5 triệu đồng/người/tháng.

+ Về tiền lương của lao động trực tiếp gồm các hoạt động: thực hiện sản phẩm công ích theo đơn đặt hàng của nhà nước; thi công xây dựng các công trình; sản xuất vật liệu xây dựng được xác định theo đơn giá Công ty khoán cho các xí nghiệp. Tổng quỹ lương thực hiện của lao động trực tiếp là 143.791 triệu đồng, trong đó quỹ lương của lao động Công ty là 87.565 triệu đồng, tiền lương bình

quân 17,8 triệu đồng/người/tháng. Tiền lương đã trích đối với bộ phận thi công công trình bằng khoảng 76%; bộ phận duy tu bằng khoảng 63% trên tổng chi phí nhân công trực tiếp được chủ đầu tư thanh toán.

+ Về tiền lương lao động gián tiếp: Tổng quỹ lương thực hiện 15.644 triệu đồng, trong đó lương thời vụ 142 triệu đồng và lao động gián tiếp của công ty là 15.502 triệu đồng, bình quân 20,8 triệu đồng/người/tháng.

Công ty xây dựng đơn giá tiền lương cho lao động gián tiếp nhưng không đúng theo quy định (lao động định mức x hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân x mức lương tối thiểu x 12 tháng), đơn giá tiền lương được xây dựng căn cứ theo tốc độ tăng tiền lương bình quân x tiền lương thực hiện bình quân năm 2011 (năm 2011 công ty không xây dựng đơn giá tiền lương mà quỹ lương được xác định trên cơ sở bình quân nhân công khối trực tiếp nhưng không quá 40% chi phí chung của hoạt động thi công xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật (sản phẩm công ích) và chi phí chung thi công xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài). Do Công ty xây dựng đơn giá tiền lương cho lao động gián tiếp không đúng quy định, Tổ kiểm toán xác định quỹ tiền lương thực hiện bằng quỹ lương năm 2011, từ đó điều chỉnh giảm quỹ tiền lương thực hiện 4.516 triệu đồng (15.644 – 11.128).

+ Về tiền lương của viên chức quản lý: Năm 2012, Công ty có lợi nhuận thực hiện cao hơn kế hoạch, quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý được phép trích lập là 2.892 triệu đồng, tổng quỹ lương đã trích 3.234 triệu đồng, quỹ tiền lương phải điều chỉnh giảm là 342 triệu đồng.

- Về phân phối tiền lương và thu nhập: Công ty thực hiện phân phối tiền lương theo Quy chế trả lương ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-CTGTSG ngày 27/3/2012 của Giám đốc Công ty. Năm 2012, thu nhập bình quân người lao động là 25 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,3 lần so với năm 2011; thu nhập bình quân của viên chức quản lý 53 triệu đồng/người/tháng, bằng 2,1 lần thu nhập người lao động và tăng 1,5 lần so với năm 2011. Người có thu nhập bình quân cao nhất 66,8 triệu đồng/tháng (Giám đốc, tổng thu nhập chịu thuế TNCN năm 2012 là 801 triệu đồng) bằng 2,7 lần thu nhập bình quân của người lao động toàn Công ty.

- Các khoản trích theo lương như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp Công ty thực hiện theo quy định.

- Về chi trả trợ cấp thôi việc: Trong năm, Công ty đã chi trả cho 03 đối tượng, trong đó có trường hợp của Ông Đinh Văn Hạnh (còn 1,5 tháng đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ việc vì lý do sức khỏe, không thuộc trường hợp do thay đổi cơ cấu hoặc công nghệ) không đủ điều kiện để hưởng trợ cấp mất việc làm (mỗi năm làm việc được hưởng bằng một tháng) theo quy định tại Điều 17, Bộ Luật lao động, chỉ đủ điều kiện để hưởng trợ cấp thôi việc (mỗi năm làm việc được hưởng bằng ½ tháng lương bình quân 6 tháng trước khi nghỉ việc), số tiền chi vượt phải thu hồi là: 62 triệu đồng.

e) Quản lý vốn chủ sở hữu

- Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Công trình Giao thông Sài Gòn theo Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 12/3/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300460907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 17/06/2013, vốn điều lệ 97.362 triệu đồng. Công ty thực hiện quản lý và sử dụng vốn theo Điều lệ về tổ chức và hoạt động. Hệ số bảo toàn vốn $H = 1,44$ lần, cho thấy Công ty bảo toàn được vốn nhà nước.

1.2. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh

a) Quản lý doanh thu, thu nhập

- Tổng doanh thu ghi nhận năm 2012 là 1.202.906 triệu đồng tăng 22,12% so với kế hoạch. Doanh thu và thu nhập về cơ bản được Công ty quản lý theo quy định hiện hành. Tuy nhiên Công ty chưa ghi nhận kịp thời doanh thu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập, Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng (Công trình nghiệm thu tháng 8 ghi nhận vào tháng 10; nghiệm thu tháng 10 ghi nhận vào tháng 11 tháng 12) và chưa ghi nhận đầy đủ doanh thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn số tiền 380 triệu đồng.

b) Quản lý chi phí

Công ty tập hợp chi phí và tính giá thành theo từng hoạt động; đối với hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng phục vụ sản phẩm công ích có thực hiện xây dựng định mức giá thành và đăng ký với cơ quan thuế làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, trong quản lý chi phí có một số vấn đề sau:

- Công ty thực hiện khoán chi phí thi công các công trình theo quy chế khoán nội bộ. Toàn bộ chi phí phát sinh đối với các công trình, hạng mục công trình thi công dở dang chưa được nghiệm thu, quyết toán được theo dõi tại các xí nghiệp và phản ánh vào tài khoản 141 - Tạm ứng của Công ty. Việc ghi nhận chi phí chỉ được thực hiện khi các công trình, hạng mục công trình được nghiệm thu, quyết toán và ghi nhận doanh thu là không đúng thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh, chi phí dở dang không được ghi nhận kịp thời vào sổ kế toán, khó khăn trong việc quản lý chi phí dở dang và công nợ tạm ứng.

- Chọn mẫu 04 Công trình: Công trình Cung cấp bê tông nhựa nóng, dự án "Mở rộng mặt đường TL15 (Củ Chi); Công trình Duy tu sửa chữa đường Lạc Long Quân - Quận 11; Công trình Duy tu sửa chữa đường Hồ Học Lãm - Quận Tân Bình và Công trình Phát triển mạng lưới cấp thoát nước Phường Bình Hưng Hòa B - Tân Bình, có tình hình sau:

+ Về quản lý chi phí: Công ty xây dựng định mức và đăng ký với cơ quan thuế đối với công tác sản xuất bê tông nhựa nóng phục vụ sản phẩm công ích. Chi phí vật tư, nhân công phục vụ thi công căn cứ vào thực tế phát sinh có chứng từ nhập xuất kho theo quy định

+ Về chứng từ: hàng tháng Xí nghiệp lập bảng kê chi phí kèm hóa đơn, chứng từ theo công trình gửi phòng kế toán Công ty kiểm tra, kê khai thuế và theo dõi chi phí.

c) Quản lý kết quả và phân phối kết quả kinh doanh

Theo số báo cáo đến 31/12/2012 lợi nhuận chưa phân phối 227.838 triệu đồng. Trong đó, lợi nhuận trước năm 2012 chưa phân phối là 103.393 triệu đồng; tổng lợi nhuận năm 2012 là 137.570 triệu đồng. Công ty tạm phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi là 13.125 triệu đồng. Tuy nhiên, UBND chưa có phương án chuyên phần lợi nhuận được chia theo vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại công ty về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/9/2010 của Bộ Tài chính quy định về sử dụng lợi nhuận được chia theo vốn thuộc chủ sở hữu.

1.3. Quản lý chi sự nghiệp và nguồn kinh phí sự nghiệp

Kinh phí chi sự nghiệp còn được chuyển sang năm sau 344.197 triệu đồng là các dự án, công trình XDCB đang thi công và một số công trình đang lập hồ sơ Báo cáo quyết toán trình Sở Tài chính thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

1.5. Việc thực hiện nghĩa vụ NSNN

Nhìn chung, Công ty khai thuế, nộp thuế GTGT được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế. Tuy nhiên, chưa ghi nhận chưa đầy đủ lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn đã làm ảnh hưởng đến thời điểm nộp thuế TNDN.

1.6. Công tác kế toán

a) Chứng từ kế toán

Công ty thực hiện việc lập, ghi chép, tập hợp và lưu trữ các loại chứng từ kế toán theo quy định.

b) Hạch toán kế toán

Áp dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC của Bộ Tài chính.

c) Sổ kế toán:

Công ty lập sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp theo quy định.

d) Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2012 của các đơn vị được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư số 244/2009/TT - BTC.

2. Về quản lý và sử dụng đất đai

- Theo Quyết định số 4855/QĐ-UBND ngày 21/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao tài sản cho Công ty quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn để chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV, qua đó Công ty quản lý 01 khu đất tại 132 Đào Duy Từ, quận 10, với diện tích 6.972 m² làm văn phòng, hàng năm Công ty có nộp tiền thuê đất theo Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Quận 10. Tuy nhiên Công ty chưa phối hợp với cơ quan chức năng để ký hợp đồng thuê đất theo quy định.

- Công ty thuê bãi hoàn thiện tại Cảng Phú Định – Quận 8 của Công ty TNHH MTV Cảng Sông TP.HCM với diện tích 4.680 m² để sử dụng làm Xưởng

gia công hàng hóa, chứa vật tư và bãi để xe. Qua kiểm tra, hàng năm Công ty thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, hạch toán chi phí trong kỳ theo quy định.

3. Việc triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu Công ty

- Về công tác sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về ban hành Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND TP.HCM giai đoạn 2013 – 2015, Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sài Gòn sẽ thực hiện cổ phần hóa vào năm 2014.

- Về triển khai xây dựng và thực hiện đề án tái cơ cấu: Căn cứ Công văn số 70/ĐTTC-QLKDV ngày 11/01/2013 của Công ty Đầu tư tài chính nhà nước TP.HCM về việc đề nghị hỗ trợ và cung cấp thông tin liên quan đến Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp, Công ty đã có ý kiến đề xuất gửi Công ty Đầu tư tài chính nhà nước TP.HCM (Văn bản số 58A/CTGTSG ngày 17/01/2013).

4. Việc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật Phòng chống tham nhũng

Công ty đã ban hành các Quy chế, quy định các trình tự, thủ tục trong hoạt động; xây dựng chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Năm 2012, Công ty đã xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2012 – 2016 số 04/KH-CTGTSG ngày 17/02/2012.

5. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ

Theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, trong đó chủ yếu thực hiện việc giãn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT cho các đối tượng là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến, và giảm tiền thuê đất... Năm 2012, Công ty kê khai gia hạn thuế phải nộp theo quy định.

III. TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Năm 2012, Công ty đã hoàn thành cơ bản khối lượng công việc được giao, bảo đảm công ăn việc làm và thu nhập của người lao động. Về hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản, vốn nhà nước qua kiểm toán được đánh giá như sau:

1. Về sự phát triển hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 1.219.035 triệu đồng, tăng 45,16% so với năm 2011 và tăng 23,76% so với kế hoạch, trong đó: tốc độ tăng doanh thu hoạt động kinh doanh chính 46,15% so với năm 2011 và tăng 24,01% so với kế hoạch.

2. Về lợi nhuận hoạt động kinh doanh

Tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước thuế năm 2012 đạt 170.371 triệu đồng. Trong đó, lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính 154.889 triệu đồng, bằng 90,91% tổng lợi nhuận.

3. Về hiệu quả hoạt động kinh doanh

Hiệu quả kinh doanh được đánh giá thông qua một số chỉ tiêu sau: tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu đạt 14,35%, tăng 1,34% so với năm 2011; tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản là 27,15%, tăng 3,05% so với năm 2011 và trên vốn chủ sở hữu là 50,74%, tăng 5,19% so với năm 2011. Từ số liệu và các chỉ số trên cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển về quy mô và đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, còn tồn đọng một số khoản công nợ khó thu hồi số tiền 5.917 triệu đồng.

PHẦN THỨ HAI

KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn

1.1. Thực hiện điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo kết quả kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán.

1.2. Kiến nghị xử lý tài chính theo kết quả kiểm toán

(1) Nộp ngân sách Nhà nước số tiền thuế TNDN do Kiểm toán Nhà nước xác định phải nộp tăng thêm số tiền 1.037.458.803 đồng.

(2) Thu hồi tiền trợ cấp mất việc làm không đúng quy định số tiền 62.084.000 đồng.

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán

(1) Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ; thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ; tích cực đôn đốc thu nợ; rà soát, làm rõ tình trạng các khoản nợ phải thu quá hạn, nợ tạm ứng lâu năm để xử lý và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định;

(2) Xây dựng đơn giá tiền lương, quỹ lương kế hoạch cho lao động gián tiếp (Văn phòng công ty); xác định quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý theo đúng quy định;

(3) Thực hiện đúng quy định trong việc ghi nhận doanh thu và chi phí, phân ánh vào chi phí theo đúng thời điểm nghiệm vụ kinh tế phát sinh;

(4) Thực hiện các thủ tục cần thiết để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng thuê đất đối với khu đất tại 132 Đào Duy Từ - Quận 10.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Chỉ đạo Sở Lao động Thương binh và Xã hội thẩm định đơn giá tiền lương của người lao động năm 2012 đối với Công ty TNHH MTV Công trình Giao Thông Sài Gòn theo Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH đối với Công ty TNHH MTV Công trình Giao Thông Sài Gòn.

2.2. Ban hành quyết định phê duyệt quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch, quỹ tiền lương và thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên theo Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH đối với Công ty TNHH MTV Công trình Giao Thông Sài Gòn.

2.3. Chỉ đạo cơ quan chức năng kiểm tra, làm rõ và xử lý trách nhiệm liên quan đến sai phạm trong trích lập, chi lương sai quy định quy định trong năm

2012 và những năm trước, sau có liên quan tại Công ty TNHH MTV Công trình Giao Thông Sài Gòn như đã nêu tại phần Kết quả kiểm toán.

2.4. Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính có phương án báo cáo Thủ tướng Chính phủ chuyển phần lợi nhuận được chia theo vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại công ty về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương đối với Công ty TNHH MTV Công trình Giao Thông Sài Gòn.

* * *

Đề nghị Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn thực hiện các kiến nghị của KTNN và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo KTNN khu vực IV địa chỉ: số 57 đường Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh trước ngày 15/01/2014.

Khi thực hiện các kiến nghị của KTNN về nộp ngân sách nhà nước, giảm thanh toán, ... đề nghị ghi rõ trên chứng từ "Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN năm 2013"

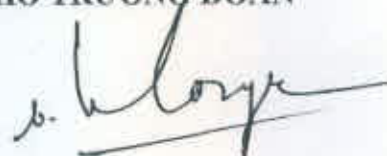
Báo cáo kiểm toán này gồm 14 trang, từ trang 01 đến trang 14 và Phụ lục số 01/BCKT-TKT-DN, là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm toán./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN



Lê Hồng Sơn
Số thẻ B 0165 KTVC

**KT. TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TOÁN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



Nguyễn Cao Nguyên
Số thẻ B 0159KTVC

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Công trình Giao Thông Sài Gòn;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Tổ kiểm toán;
- Lưu: HSKT.



Trương Thị Việt Hương

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU, GIẢM CHI NĂM 2011

STT	Chi tiêu	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
I	Các khoản phải nộp NSNN		
1	Thuế GTGT		
2	Thuế TNDN	1.037.458.803	
3	Thuế XNK		
4	Thuế TTĐB		
5	Thuế nhà đất		
6	Thuế TNCN		
7	Thuế tái nguyên		
8	Thuế khác		
9	Phí, lệ phí		
10	Thu khác		
11	Kinh phí thừa		
12	Xuất toán thu hồi nộp NSNN		
-	Chi thường xuyên		
-	Chi XDCB		
II	Giảm thanh toán		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi XDCB		
III	Giảm trừ dự toán		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi xây dựng cơ bản		
IV	Các khoản giảm chi khác		
	(Chi tiết các khoản)		
1			
2			
3			
...			